

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Đối với các vật tư thiết bị chính (Máy cắt LBS, Tủ điện hạ thế; Cầu dao; Chồng sét van; cầu chì; dây dẫn điện; sứ đứng; sứ chuỗi; phụ kiện sứ chuỗi; giáp nú; dây buộc cổ sứ; Cột, đầu cột, kẹp cáp; ghép bọc trung thế...)	<p>- Nêu rõ cam kết đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu của của E- HSMT (Theo các yêu cầu trong chương V yêu cầu kỹ thuật của HSMT).</p> <p>- Với các VTTB chính yêu cầu phải có các tài như đã nêu trong chương V về Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật:</p> <p>+ Type Test theo quy định.</p> <p>+ Test điển hình (nếu có).</p> <p>+ Chứng chỉ ISO 9001 hoặc tương đương của nhà sản xuất.</p> <p>+ Cam kết Bảo hành ≥ 18 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng.</p> <p>* Trường hợp nhà thầu chào nhiều nhà sản xuất cho mỗi loại vật tư thiết bị chính thì các nhà sản xuất phải đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT theo quy định trên.</p>	Đạt
	Không có hoặc có nhưng không đạt hoặc Có ít nhất 01 (một) nhà sản xuất không phải đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT theo quy định trên.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1 được xác định là đạt	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

2. Các giải pháp giảm thiểu thời gian cắt điện trong thi công

Nội dung yêu cầu	Mức độ đánh giá	
Nhà thầu phải xây dựng kế hoạch, phương án thi công đảm bảo chỉ số SAIDI như sau: <i>Chỉ số SAIDI: Thời gian mất điện trung bình của khách hàng do cắt điện trong quá trình thi công và có tính đến điều kiện thời tiết. (phút)</i>	<p>2.1. Chỉ số SAIDI :</p> <p>1- Dự án: Xây dựng, nâng cao năng lực vận hành lưới điện khu vực huyện Văn Lãng, Tràng Định tỉnh Lạng Sơn năm 2026 có SAIDI ≤ 1052 phút</p> <p>2- Dự án: Xây dựng, nâng cao năng lực vận hành lưới điện khu vực huyện Lộc Bình, Đình Lập tỉnh Lạng Sơn năm 2026 có SAIDI $\leq 733,9$ phút</p>	Đạt
	<p>2.2. Chỉ số SAIDI :</p> <p>1- Dự án: Xây dựng, nâng cao năng lực vận hành lưới điện khu vực huyện Văn Lãng, Tràng Định tỉnh Lạng Sơn năm 2026 có SAIDI > 1052 phút</p> <p>2- Dự án: Xây dựng, nâng cao năng lực vận hành lưới điện khu vực huyện Lộc Bình, Đình Lập tỉnh Lạng Sơn năm 2026 có SAIDI $> 733,9$ phút</p>	Không đạt
Kết luận	<p>Tiêu chí 2.1 được xác định là đạt.</p> <p>Tiêu chí 2.2 được xác định là không đạt.</p>	

3. Giải pháp kỹ thuật

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Hiểu biết về vị trí và nhận thức đầy đủ về mặt bằng thi công.	Hiểu về vị trí của công trình; về thuận lợi và khó khăn mặt bằng thi công, có các phương án phối hợp giải quyết giữa địa phương, chủ đầu tư và nhà	Đạt/Chấp nhận được

	thầu để phục vụ quá trình thi công, phương án đền bù do ảnh hưởng thi công...	
	Không am hiểu địa bàn, không có phương án phối hợp giữa địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu trong quá trình thi công, mặt bằng thi công.	Không đạt
3.2. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, vị trí lấy mẫu và biện pháp bảo quản thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cống ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có giải phương án tổ chức mặt bằng, giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Có đầy đủ kế hoạch bố trí kho bãi, lán trại trong biện pháp thi công được nêu trong HSDT của nhà thầu.	Đạt/Chấp nhận được
	Không trình bày tổ chức công trường, hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
3.3. Thi công xây dựng: + Xây dựng đường dây trung áp; Trạm biến áp; đường dây hạ áp...	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
3.5. Giải pháp phá dỡ, tháo dỡ các công trình cũ (nếu có)	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được; 3.3, 3.5 được xác định là đạt .	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

4. Biện pháp tổ chức thi công

Nội dung yêu cầu	Mức độ đánh giá	
4.1. Biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị	Có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị bố trí nhân sự đầy đủ, chi tiết và hợp lý	Đạt
	Không nêu biện pháp bảo đảm tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị và công tác bố trí nhân sự.	Không đạt

4.2. Biện pháp thi công + Xây dựng đường dây trung áp; Trạm biến áp; đường dây hạ áp	Có nêu biện pháp thi công đầy đủ, chi tiết theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật. Có các bản vẽ thể hiện rõ các phương án thi công.	Đạt
	Không nêu biện pháp thi công các hạng mục công việc chính theo yêu cầu	Không đạt
4.3. Sử dụng công nghệ thi công hotline khi thực hiện kéo dây dẫn giao chéo và đấu nối với các đường dây trung áp (nếu có).	Sử dụng công nghệ thi công hotline khi thực hiện kéo dây dẫn giao chéo và đấu nối với các đường dây trung áp.	Đạt
	Không sử dụng công nghệ thi công hotline khi thực hiện kéo dây dẫn giao chéo và đấu nối với các đường dây trung áp.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2, 4.3 được xác định là đạt .	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

5. Uy tín nhà thầu:

Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng
<p>5.1 Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 214/2025/NĐ-CP)</p> <p>Nhà thầu bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu khi thực hiện các hành vi sau:</p> <p>a. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của HSDT khi được mời đối chiếu tài liệu.</p> <p>b. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của HSDT, khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 Nghị định 214/2025/NĐ-CP;</p> <p>c. Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa</p>	<p>Nhà thầu không có tên trong danh sách nhà thầu không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi tham dự thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu đối với nhà thầu khác trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 214/2025/NĐ-CP</p> <p style="text-align: center;">Đạt</p>

Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
<p>thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 <u>Nghị định 214/2025/NĐ-CP</u>;</p> <p>d. Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng.)</p> <p>đ. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSĐT.</p> <p>e. Nhà thầu không nộp bản gốc đảm bảo dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>g. Nhà thầu không thực hiện biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng;</p> <p>h. Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>i. Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước.</p>	<p>Nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi tham dự thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu đối với nhà thầu khác trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 <u>Nghị định 214/2025/NĐ-CP</u></p>	<p>Không đạt</p>

6. Tiến độ và nhân sự thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<p>6.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 75 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công</p>	<p>Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 75 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 75 ngày</p>	<p>Không đạt</p>
<p>6.2. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT</p>	<p>Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.</p>	<p>Không đạt</p>
<p>6.3. Nhân sự thi công gói thầu</p>	<p><i>Có bảng kê khai nhân sự quản lý, nhân sự huy động tham gia thi công gói thầu, phù hợp với tiến độ hoàn thành gói thầu.</i></p>	<p>Đạt</p>
	<p><i>Không có bảng kê khai nhân sự quản lý, nhân sự huy động tham gia thi công gói thầu, phù hợp với</i></p>	<p>Không đạt</p>

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<i>tiến độ hoàn thành gói thầu.</i>	
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 6.1, 6.2, 6.3 được xác định là đạt .	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

7. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đánh giá	
<ul style="list-style-type: none"> – Quản lý chất lượng vật tư: các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản. – Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công (đào, đắp đất, cốt thép, bê tông, chống thấm, lắp đặt thiết bị...): quy trình lập biện pháp thi công, thi công, kiểm tra, nghiệm thu, lập hồ sơ hoàn công. – Tổ chức phòng thí nghiệm, thiết bị kiểm tra. – Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão. – Sửa chữa hư hỏng và bảo hành công trình. 	Trình bày đầy đủ các yêu cầu về quản lý bảo đảm chất lượng trong công tác thi công đúng quy trình, quy phạm.	Đạt
	Không nêu các biện pháp bảo đảm chất lượng trong công tác thi công ở biện pháp thi công công trình.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt .	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

8. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
8.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
8.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
8.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 8.1, 8.2, 8.3 được xác định là đạt .	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

9. Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý công trình

Nội dung yêu cầu	Mức độ đánh giá	
Nhà thầu phải trang bị hệ thống thiết bị công nghệ thông tin để kết nối với hệ thống quản lý chất lượng công trình của Chủ đầu tư (gồm: Điện thoại sử dụng hệ điều hành IOS hoặc Androi; Máy vi tính; sim ký số...)	Có cam kết trang bị hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo kết nối với hệ thống thông tin của Chủ đầu tư trong việc quản lý tiến độ, chất lượng công trình.	Đạt
	Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không trang bị hệ thống thiết bị công nghệ thông tin để kết nối với hệ thống thông tin của Chủ đầu tư trong việc quản lý chất lượng, tiến độ công trình	Không đạt
Kết luận	Tiêu chí chi tiết được xác định là đạt.	Đạt

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) đều được đánh giá là đạt.

Trường hợp HSDT không đạt một trong các tiêu chí tổng quát (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) thì được đánh giá là không đạt.